

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - KỲ KIỂM TRA: 17/5/2015

(Kèm theo quyết định số/QĐ-LTT ngày...../...../2015 về việc cấp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B)

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại
1	BK1013	12D301Đ006	Đào Trọng Thiên Ân	21.10.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
2	BK1076	12D2010004	Đậu Trọng Anh	30.03.94	Nghệ An	6.5	Trung bình
3	BK1051	12D201P002	Nguyễn Duy Anh	26.08.91	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
4	BK1031	12D2060002	Nguyễn Vương Anh	14.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
5	BK1001	12D2010009	Đỗ Chiêm Bao	20.12.94	Quảng Ngãi	5.0	Trung bình
6	BK1014	12D301Đ009	Dương Quốc Bảo	28.09.93	Hà Tĩnh	6.0	Trung bình
7	BK1041	12D201M003	Nguyễn Hữu Bình	16.01.94	An Giang	6.0	Trung bình
8	BK1052	12D201P007	Lê Toàn Cầm	30.12.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
9	BK1043	12D201M005	Nguyễn Cấp	20.02.94	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.0	Khá
10	BK1032	12D2060009	Đặng Thế Công	13.11.94	Nam Hà	6.5	Trung bình
11	BK1015	12D301Đ017	Trần Quốc Cường	08.07.93	Đồng Tháp	6.0	Trung bình
12	BK1073	12D2010015	Bùi Văn Dân	29.03.94	Bình Thuận	7.0	Khá
13	BK1002	12D2010017	Trần Dãnh	14.09.94	Đắk Lắk	5.5	Trung bình
14	BK1044	12D201M015	Kiều Tiến Đạt	17.11.94	Bến Tre	6.0	Trung bình
15	BK1053	12D201P016	Ngô Nguyên Đạt	09.09.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
16	BK1072	12D2010031	Trần Quốc Đạt	26.09.94	Kiên Giang	6.0	Trung bình
17	BK1016	12D301Đ021	Phạm Văn Diện	10.04.93	Bến Tre	5.0	Trung bình
18	BK1003	12D2010036	Nguyễn Giao Bảo Diễn	06.12.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
19	BK1004	12D2010037	Lê Văn Diệp	16.09.94	Thanh Hóa	6.5	Trung bình
20	BK1054	11D0040014	Nguyễn Hiến Đông	21.08.93	Lâm Đồng	8.0	Giỏi
21	BK1017	12D301Đ023	Trần Cung Duẩn	25.09.92	Đắk Lắk	5.0	Trung bình
22	BK1027	12D2040006	Nguyễn Thị Dung	10.05.94	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.5	Trung bình

(Kèm theo quyết định số/QĐ-LTT ngày...../...../2015 về việc cấp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B)

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại
23	BK1005	12D2010024	Phạm Quang Duy	17.08.94	Bình Thuận	5.0	Trung bình
24	BK1045	12D201M013	Phan Trần Quốc Duy	21.07.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình
25	BK1036	11D0030022	Trần Bảo Duy	10.12.93	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
26	BK1037	12D2050019	Nguyễn Hoàng Giang	05.09.94	Tiền Giang	5.5	Trung bình
27	BK1020	12D3010041	Huỳnh Ngọc Hiền	22.09.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
28	BK1055	12D201P023	Phạm Trung Hiếu	02.11.93	Tp.Hồ Chí Minh	7.5	Khá
29	BK1056	12D201P076	Nguyễn Minh Hoàng	23.06.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
30	BK1070	12D3010052	Huỳnh Ngọc Huy	16.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình
31	BK1021	12D3010053	Mạch Minh Huy	01.10.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
32	BK1057	12D201P033	Ngô Đức Huỳnh	11.10.94	Đồng Nai	6.5	Trung bình
33	BK1009	12D2010075	Nguyễn Công Khanh	19.08.91	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
34	BK1075	12D3010058	Phan Trọng Khánh	22.05.94	Long An	6.5	Trung bình
35	BK1058	12D201P035	Chềng Gia Kiệt	28.04.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
36	BK1024	12D3010066	La Tuấn Kiệt	20.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
37	BK1038	12D2050038	Đặng Gia Lạc	26.10.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
38	BK1074	12D2010083	Võ Văn Lệnh	16.04.93	Quảng Ngãi	6.5	Trung bình
39	BK1006	12D2010085	Nguyễn Hoàng Linh	24.06.93	Thừa Thiên-Huế	6.0	Trung bình
40	BK1026	12D3010070	Nguyễn Tấn Linh	29.08.94	Bà Rịa-Vũng Tàu	5.5	Trung bình
41	BK1007	12D2010089	Huỳnh Văn Lộc	24.08.94	Tây Ninh	6.0	Trung bình
42	BK1010	12D2010095	Hoàng Văn Lục	28.09.94	Nghệ An	6.0	Trung bình
43	BK1008	12D2010097	Nguyễn Văn Lưu	29.03.94	Quảng Ngãi	6.0	Trung bình
44	BK1077	2015TSTD01	Nguyễn Ngọc Nam	31.12.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
45	BK1065	13B2250057	Phạm Hồng Phúc	15.03.90	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
46	BK1059	12D201P050	Võ Hoàng Phúc	22.12.93	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
47	BK1060	12D201P051	Lý Hồng Phương	20.03.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.5	Khá
48	BK1047	12D201M050	Trần Khánh Quang	06.12.93	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
49	BK1061	12D201P057	Nguyễn Tấn Quốc	17.09.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.5	Khá
50	BK1033	12D2060061	Nguyễn Văn Sơn	16.02.94	Quảng Bình	5.0	Trung bình
51	BK1049	12D201M053	Nguyễn Thành Tâm	27.08.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình

(Kèm theo quyết định số/QĐ-LTT ngày...../...../2015 về việc cấp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B)

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại
52	BK1028	12D2040022	Võ Ngọc Băng	Tâm	09.03.93	Tiền Giang	6.0	Trung bình
53	BK1050	12D201M057	Nguyễn Đức	Thân	01.10.92	Đồng Nai	6.0	Trung bình
54	BK1029	12D2040023	Nguyễn Thị Yến	Thanh	20.10.94	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.0	Trung bình
55	BK1062	12D201P063	Nguyễn Thái	Thành	25.09.94	Hà Nội	7.0	Khá
56	BK1066	13B2250077	Nguyễn Quốc	Thịnh	29.08.92	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
57	BK1067	13B2020025	Đình Thanh	Toàn	17.11.91	Thống Nhất, Đồng Nai	6.5	Trung bình
58	BK1040	12D2050081	Trịnh Vĩ	Toàn	23.03.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
59	BK1063	12D201P070	Lương Hoàng	Trọng	19.08.90	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình
60	BK1035	12D2060085	Trần Anh	Tú	17.07.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình
61	BK1069	12D2060090	Nguyễn	Út	22.04.94	Thừa Thiên-Huế	6.0	Trung bình
62	BK1012	12D2010189	Lê Ngọc	Vàng	07.12.93	Bình Định	5.5	Trung bình
63	BK1071	12D2060094	Nguyễn Minh	Vũ	13.03.92	Bến Tre	6.0	Trung bình
64	BK1030	12D2060097	Trần Huy	Vượng	03.01.93	Kiên Giang	6.0	Trung bình

Tổng cộng danh sách có 64 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

HIỆU TRƯỞNG